

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
 VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **25/09/2018**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BMP	120	0.47%
2	CII	520	0.83%
3	CTD	120	1.26%
4	CTG	1,050	1.81%
5	DHG	130	0.77%
6	DPM	440	0.50%
7	FPT	1,390	3.95%
8	GAS	270	1.96%
9	GMD	450	0.75%
10	HPG	3,610	9.19%
11	HSG	700	0.53%
12	KDC	350	0.64%
13	MBB	3,360	4.80%
14	MSN	1,190	6.93%
15	MWG	590	4.61%
16	NVL	900	3.55%
17	PLX	330	1.48%
18	PNJ	320	2.02%
19	REE	480	1.09%
20	ROS	400	1.00%
21	SAB	270	3.64%
22	SBT	770	1.02%
23	SSI	850	1.74%
24	STB	4,840	3.74%
25	VCB	1,020	4.10%
26	VIC	1,410	8.65%
27	VJC	770	7.22%
28	VNM	1,060	8.95%
29	VPB	4,110	6.57%
30	VRE	2,420	5.89%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,617,233,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,623,190,910
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	5,957,910
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 25/09/2018	Kỳ này/This period 24/09/2018	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	5	-5
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	272,000,000	272,000,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	16,220	16,210	10
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,406,963,319,409	4,357,351,165,380	49,612,154,029
của một lô ETF/per Creation Unit	1,623,190,910	1,604,917,556	18,273,354
của một chứng chỉ quỹ/per Share	16,231.90	16,049.17	182.73
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,069.23	1,069.75	-0.52

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO